

Số: 10 /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 3 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP

Số: _____

Ngày: _____

Chuyên: _____

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 109/TTr-STC ngày 06/3/2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020), cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện thu: Ban Quản lý các dịch vụ đô thị An Nhơn.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2019-2020) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), với chi tiết cụ thể tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

a) Việc xác định “Hộ bán hàng có ít chất thải”, “Hộ bán hàng có chất thải bình thường”, “Hộ bán hàng có nhiều chất thải” theo quy định tại Phụ lục nêu trên do các đơn vị tổ chức thu gom rác thải xác định cụ thể cho phù hợp với từng địa bàn, khu vực, ngành hàng kinh doanh đảm bảo công bằng hợp lý.

b) Việc thu giá dịch vụ quy định tại Phụ lục nêu trên được thực hiện theo hình thức đồng/đơn vị/tháng, đồng/m³ là do đơn vị thu thỏa thuận, thống nhất với đối tượng được cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng để thực hiện cho phù hợp.

4. Phương thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

a) Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Ban Quản lý các dịch vụ đô thị An Nhơn áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định nêu trên.

b) Khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã An Nhơn được xác định là doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đơn vị thu, đối tượng nộp khi áp dụng mức thu và nộp giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải theo quy định tại quyết định này thì không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các nội dung khác còn lại tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K14, TTTHCB.



Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH LỘ TRÌNH 02 NĂM (2019-2020)
(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2019	Năm 2020
I	Hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh			
1	Khu vực phường Bình Định, phường Nhơn Hưng, phường Nhơn Hòa, phường Đập Đá, phường Nhơn Thành			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố			
-	Đường được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng	đồng/hộ/ tháng	26.000	26.000
-	Đường chưa được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc chưa được bê tông xi măng và các đường nội bộ ở các khu quy hoạch dân cư	đồng/hộ/ tháng	21.000	21.000
b	Hộ có nhà ở trong ngõ, hẻm; hộ ở các khu nhà tập thể và khu vực khác	đồng/hộ/ tháng	18.000	18.000
2	Khu vực còn lại (Các xã: Nhơn An, Nhơn Hạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Khánh, Nhơn Mỹ, Nhơn Tân, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Phúc, Nhơn Phong)			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường bê tông	đồng/hộ/ tháng	21.000	21.000
b	Hộ có nhà ở khu vực khác	đồng/hộ/ tháng	14.000	14.000
II	Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ			
1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà			
a	Có kinh doanh ăn uống			
-	Hộ bán hàng có ít chất thải (dưới 0,3m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	45.000	45.000
-	Hộ bán hàng có chất thải bình thường (từ 0,3m ³ /tháng đến 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	60.000	60.000
-	Hộ bán hàng có nhiều chất thải (trên 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	75.000	75.000
b	Các loại kinh doanh khác (Tập hóa, điện máy, linh kiện điện tử, may mặc, văn phòng phẩm...)			
-	Hộ bán hàng có ít chất thải (dưới 0,3m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	36.000	40.000
-	Hộ bán hàng có chất thải bình thường (từ 0,3m ³ /tháng đến 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	45.000	45.000
-	Hộ bán hàng có nhiều chất thải (trên 0,5m ³ /tháng)	đồng/hộ/ tháng	55.000	55.000
c	Hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ			
-	Quy mô cho thuê từ 1-5 phòng	đồng/hộ/ tháng	55.000	55.000
-	Quy mô cho thuê từ 6-10 phòng	đồng/hộ/ tháng	65.000	65.000
-	Quy mô cho thuê trên 10 phòng	đồng/hộ/ tháng	120.000	120.000
2	Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ	đồng/m ³	90.000	90.000
III	Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp			
-	Lượng rác thải ≤ 1m ³ /tháng	đồng/đơn vị/ tháng	100.000	100.000
-	Lượng rác thải > 1m ³ /tháng	đồng/m ³	120.000	120.000
IV	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống và hộ kinh doanh có quy mô lớn	đồng/m ³	200.000	200.000
		đồng/đơn vị/ tháng	200.000	200.000
V	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m ³	200.000	200.000
VI	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m ³	200.000	200.000